

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022.

“ Về việc Không công nhận là vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Ông La Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc *"Không công nhận là vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Bàn Tiến V (Bàn Tiến G), sinh năm 1980.

* Bị đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh V và chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Tiến V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị L qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay và chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 2000 đến năm 2005 thì anh và chị L sinh sống tại thôn TN, xã XT, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2005 thực hiện chương trình di dân, tái định cư thì gia đình anh được phân đất về tái định cư tại xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống do bận làm kinh tế nên anh và chị L chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Vợ chồng anh sinh sống tại Thôn R, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nay do vợ chồng anh không chung sống được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị L có 02 người con chung tên là Bàn Thị M, sinh ngày 07/4/2001 và Bàn Càn Th, sinh ngày 05/01/2003. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi, đã đủ khả năng lao động tự lo cho chính mình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt của chị Bàn Thị L trình bày:

Chị và anh Bàn Tiến V đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị sinh sống tại Thôn R, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nay do vợ chồng chị không chung sống được với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên là Bàn Thị M, sinh ngày 07/4/2001 và Bàn Càn Th, sinh ngày 05/01/2003. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lo cho chính mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Hùng Mỹ được Công chức Tư pháp hộ tịch xã Hùng Mỹ cung cấp như sau: Qua rà soát các tài liệu L trữ (sổ đăng ký kết hôn) tại UBND xã Hùng Mỹ từ năm 2005 đến nay thì UBND xã Hùng Mỹ chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho ai tên là Bàn Tiến V, sinh năm 1980 và chị Bàn Thị L, sinh năm 1981, cùng địa chỉ Thôn R, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh V và chị L có 02 người con chung tên là Bàn Thị M, sinh năm 2001 và Bàn Càn Th, sinh năm 2003. Hiện nay các con của anh V và chị L đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lo cho chính mình.

Kết quả xác minh tại Phòng Tư pháp huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang cung cấp như sau: Qua rà soát, kiểm tra các sổ sách L trữ tại Phòng Tư pháp không có trường hợp nào có họ tên là Bàn Tiến V (Bàn Tiến Gùi), sinh năm 1980 và Bàn Thị L, sinh năm 1981 cùng địa chỉ: Thôn Thác Nghiền, xã Xuân Tân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28; Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Không công nhận là vợ chồng*” của anh Bàn Tiến V. Không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh V và chị L có 02 người con chung tên là Bàn Thị M, sinh ngày 07/4/2001 và Bàn Càn Th, sinh ngày 05/01/2003. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh V và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về nợ chung: Anh V và chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Bàn Tiến V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm án ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Bàn Tiến V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ giữa anh và chị Bàn Thị L là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh chị Bàn Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang sinh sống tại Thôn R, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về nội dung vụ án*.

[2.1] *Về hôn nhân*: Anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Anh V và chị L có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh V và chị L là vợ chồng. Xét thấy yêu cầu của anh Bàn Tiến V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh V và chị L có hai con chung là Bàn Thị M, sinh ngày 07/4/2001 và Bàn Càn Th, sinh ngày 05/01/2003. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên anh V, chị L không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh V và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Anh V và chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Bàn Tiến V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, chị Bàn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[2.6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Tiến V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Tiến V và chị Bàn Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Bàn Tiến V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005287 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Bàn Thị L không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hùng Mỹ;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ